

Bản án số: 31/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Bà Dương Triết M.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-DS ngày 02/7/2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXX-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê H , sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T , xã M , huyện T, tỉnh A .

2. *Bị đơn:* bà Phạm Thị T , sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T , xã M , huyện T, tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 23/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê H trình bày: vào ngày 05 tháng 9 năm 2019, bà Phạm Thị T có đến hỏi vay của ông số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,33%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày. Khi vay tiền, bà Phạm Thị T có photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu giao cho ông H giữ. Từ khi vay đến nay, bà T không đóng lãi và cũng không trả vốn. Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền vay

15.000.000 đồng nhưng mỗi lần đến thì bà T có lời lẽ xúc phạm và thách thức ông đi kiện. Do vậy, ông gửi đơn đến Ban áp T, xã M, huyện T để yêu cầu giải quyết nhưng hòa giải không thành. Nay ông H yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả cho ông H số tiền vay 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại tờ tự khai ngày 09/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: bà T có hỏi vay tiền góp của ông Lê H để làm vốn mua bán nhưng bà không nhớ rõ ngày, tháng, năm nào. Các lần vay như sau:

Lần đầu, bà T vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), góp mỗi ngày là 80.000 đồng; theo thỏa thuận góp 31 ngày là xong cả vốn và lãi suất (số tiền này bà T đã góp xong, không còn nợ).

Lần sau, bà T hỏi vay thêm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), góp mỗi ngày là 200.000 đồng; theo thỏa thuận góp 31 ngày là xong vốn và lãi suất. Bà T góp được 20 ngày, còn thiếu lại 11 ngày với số tiền 2.200.000 đồng. Khi vay, bà T có làm biên nhận nợ ông Lê H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Sau đó, bà T vay thêm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), góp mỗi ngày là 80.000 đồng; theo thỏa thuận góp 31 ngày là xong cả vốn và lãi suất. Bà T đã góp được 17 ngày, còn nợ lại 14 ngày với số tiền 1.120.000 đồng.

Do mua bán gặp khó khăn, không có tiền góp theo thỏa thuận nên ông H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 15.000.000 đồng thì bà không đồng ý, vì bà không ký biên nhận nào với số tiền 15.000.000 đồng mà chỉ ký biên nhận 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ngày 05/9/2019. Hiện nay bà T thừa nhận còn nợ ông H tổng số tiền là 3.320.000 đồng (ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải, đối chất, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Lê H số tiền 15.000.000 đồng.

Về lãi suất: ông Lê H không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị T có đăng ký thường trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: ông Lê H khởi kiện bà Phạm Thị T để yêu cầu trả cho ông H số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là bản gốc Biên nhận vay tiền đề ngày 05/9/2019 do bà Phạm Thị T ký nhận, với nội dung: *“Tôi tên là Phạm Thị Tám, sinh năm 1958. CMND 352 098 274, cấp ngày 4/4/2017, nơi cấp A. Địa chỉ: Tân Mỹ, M, T, A. Có vay của anh Lê H, sinh năm 1995. CMND 352 425 236, trú tại xã M, T, A số tiền 15.000.000 đồng. Bằng chữ: mười lăm triệu đồng. Lãi suất 1,33% lãi suất thỏa thuận của hai bên. Thời gian vay là 30 ngày. Tôi cam kết sẽ trả cho anh Lê H khi đến hạn. Mọi trường hợp thay đổi phải thông báo và được cho bên vay đồng ý trước khi thực hiện. Biên nhận là cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hai bên (nếu có)”*.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê H thấy rằng, tại biên nhận vay tiền ngày 05/9/2019 có ghi cụ thể số tiền vay bằng số “15.000.000đ” và bằng chữ “mười lăm triệu đồng” do bà Phạm Thị T ký nhận. Bị đơn bà Phạm Thị T thừa nhận bà vay tiền của ông H nhiều lần theo hình thức trả góp nhưng không nhớ rõ thời gian vay; khi không có khả năng trả góp và chót lại số tiền thì bà có ký biên nhận nợ ông H 5.000.000 đồng vào ngày 05/9/2019. Khi ký biên nhận bà T không bị ép buộc, đe dọa. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà đã góp cho ông H nhiều lần và chỉ còn nợ ông H 3.320.000 đồng.

[3.1] Xét thấy, tại biên bản đối chất ngày 27/8/2020 bà T trình bày, biên nhận ngày 05/9/2019 ông H tự ghi thêm số 1 vào trước số 5.000.000 đồng nên thành số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này. Bởi lẽ, biên nhận vay tiền có thể hiện số tiền ghi bằng số “15.000.000đ”; ngoài ra còn được ghi bằng chữ “mười lăm triệu đồng” và bà T cũng thừa nhận chữ ký “tám” trong biên nhận này là chữ ký của bà. Bà T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định số “15.000.000đ”. Do vậy, bà T cho rằng ông H tự ghi thêm số 1 vào trước số 5.000.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Việc bà T thừa nhận chỉ còn nợ ông H số tiền 3.320.000 đồng nhưng ông H không thừa nhận; bà T cũng không cung cấp chứng cứ gì thể hiện

bà chỉ còn nợ ông H 3.320.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của bà Phạm Thị T không mang tính thuyết phục nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tiền giữa ông Lê H và bà Phạm Thị T thực tế có xảy ra, được thể hiện bằng biên nhận vay tiền ngày 05/9/2019 với số tiền 15.000.000 đồng do bà T trực tiếp ký tên. Hợp đồng vay này được giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Do bà Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông Lê H số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất, ông Lê H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bà Phạm Thị T bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lê H không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H .

1.1. Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Lê H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009797 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A .

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H